

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 – 04 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG | 05 – 06 |
| BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG | 07 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 08 – 09 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG | 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 – 20 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Tommy Tan | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Ngọc Minh | Phó Chủ tịch |
| Ông Lê Tiến Nam | Phó Chủ tịch |
| Ông Ravi Chidambaram | Thành viên |
| Ông Đặng Quốc Hùng | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|---------------|
| Ông Đặng Quốc Hùng | Tổng Giám đốc |
|--------------------|---------------|

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 50/2018/KT-AV-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo thu nhập toàn diện riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0581-2018-055-1

Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0922-2018-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01- CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|---------------------------------------------------------------------|------------|----|-----------------------|----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130) | 100 | | 11.114.690.826 | 7.703.694.903 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 8.561.410.524 | 7.446.281.392 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | | 5.828.667.980 | 5.523.281.392 |
| 1.1 Tiền | 111.1 | 5 | 5.828.667.980 | 5.523.281.392 |
| 2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 119 | 6 | 2.732.742.544 | 1.923.000.000 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 2.553.280.302 | 257.413.511 |
| 1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | 132 | | - | 1.739.522 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 135 | | 226.326.227 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước | 136 | 7 | 270.590.439 | 255.673.989 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 137 | 8 | 2.056.363.636 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260) | 200 | | 84.180.303 | 133.052.121 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 63.363.636 | 101.799.091 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 63.363.636 | 101.799.091 |
| - Nguyên giá | 222 | | 275.005.297 | 275.005.297 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (211.641.661) | (173.206.206) |
| II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 240 | | - | - |
| III. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 20.816.667 | 31.253.030 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | | 11.250.000 | 11.250.000 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | | 9.566.667 | 20.003.030 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 11.198.871.129 | 7.836.747.024 |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|------------------------------------------------|------------|-----------|-----------------------|----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340) | 300 | | 5.087.210.745 | 2.042.429.140 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn | 310 | | 5.087.210.745 | 2.042.429.140 |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 10 | 2.382.750 | 176.429.140 |
| 2. Phải trả người lao động | 323 | | 7.555.555 | - |
| 3. Chi phí phải trả | 325 | 11 | 1.235.000.000 | 30.000.000 |
| 4. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 329 | 12 | 3.842.272.440 | 1.836.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420) | 400 | | 6.111.660.384 | 5.794.317.884 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 13 | 6.111.660.384 | 5.794.317.884 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 10.879.456.000 | 10.879.456.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | (4.767.795.616) | (5.085.138.116) |
| TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 11.198.871.129 | 7.836.747.024 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|------------------------------------------------------------|-------|----|------------|------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| Ngoại tệ các loại - USD | 005 | | 469,54 | 482,56 |

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán



Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG
Năm 2017

Mẫu số B02- CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-------------------------------------------------------------|-----------|----|----------------------|----------------------|
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 1.1. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 08 | 14 | 2.732.742.544 | 2.758.181.819 |
| Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11) | 20 | | 2.732.742.544 | 2.758.181.819 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 29 | 15 | 1.442.640.770 | 375.708.000 |
| Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→33) | 40 | | 1.442.640.770 | 375.708.000 |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 41 | 16 | - | 218.186 |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định | 42 | 16 | 1.254.074 | 1.008.946 |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44) | 50 | | 1.254.074 | 1.227.132 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 51 | 17 | 22.146 | 20.404.492 |
| Cộng chi phí tài chính (60 = 51→54) | 60 | | 22.146 | 20.404.492 |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | | | | |
| | 61 | | - | - |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | | | | |
| | 62 | 18 | 973.740.436 | 2.253.821.267 |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62) | | | | |
| | 70 | | 317.593.266 | 109.475.192 |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 8.1. Thu nhập khác | 71 | | - | - |
| 8.2. Chi phí khác | 72 | | 250.766 | 32.000 |
| Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72) | 80 | | (250.766) | (32.000) |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80) | | | | |
| | 90 | | 317.342.500 | 109.443.192 |
| X. CHI PHÍ THUẾ TNDN | | | | |
| | 100 | | - | - |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) | | | | |
| | 200 | | 317.342.500 | 109.443.192 |

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Quách Thị Mỹ Nhung

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----|----------------------|--------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 01 | | 317.342.500 | 109.443.192 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | 02 | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 03 | | 38.435.455 | 30.708.182 |
| - Các khoản dự phòng | 04 | | - | - |
| - Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện. | 05 | | 22.146 | (218.186) |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 07 | 16 | (1.254.074) | (1.008.946) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 30 | | 354.546.027 | 138.924.242 |
| (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 37 | | (1.050.985.221) | (1.923.000.000) |
| (+) Tăng, (-) giảm chi phí phải trả | 41 | | 3.233.526.945 | 1.943.324.836 |
| (-) Thuế TNDN đã nộp | 43 | | - | - |
| (+) Tăng, (-) giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 46 | | - | - |
| (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 47 | | (173.828.890) | - |
| (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác | 50 | | 12.175.885 | (19.441.415) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 51 | | (14.916.450) | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 52 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 60 | | 2.360.518.296 | 139.807.663 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03b - CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|------------------------------------------------------------------|-----------|----|----------------------|----------------------|
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 61 | | - | (92.727.273) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 65 | | 1.254.074 | 1.008.946 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 70 | | 1.254.074 | (91.718.327) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 80 | | - | - |
| IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | | | | |
| 90 | | | 2.361.772.370 | 48.089.336 |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | | | |
| 101 | 5 | | 5.523.281.392 | 5.474.973.870 |
| Tiền | 101.1 | | 5.523.063.206 | 5.471.230.329 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 102 | | 218.186 | 3.743.541 |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | | | | |
| 103 | 5 | | 5.828.667.980 | 5.523.281.392 |
| Tiền | 103.1 | | 5.828.690.126 | 5.523.063.206 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 104 | | (22.146) | 218.186 |

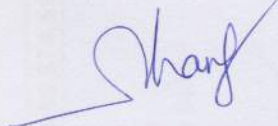
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán



Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
Năm 2017

Mẫu số B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Số dư đầu kỳ | | Số tăng/ giảm | | | | Số dư cuối kỳ | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Ngày 01/01/2016 | Ngày 01/01/2017 | Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 | | Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 | | Ngày 31/12/2016 | Ngày 31/12/2017 |
| | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 10.879.456.000 | 10.879.456.000 | - | - | - | - | 10.879.456.000 | 10.879.456.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | (5.194.581.308) | (5.085.138.116) | 109.443.192 | - | 317.342.500 | - | (5.085.138.116) | (4.767.795.616) |
| Cộng | 5.684.874.692 | 5.794.317.884 | 109.443.192 | - | 317.342.500 | - | 5.794.317.884 | 6.111.660.384 |

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán



Phạm Tuyết Thanh



Đăng Quốc Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008 và 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.823.458.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính và phù hợp với các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------|---------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí mua công cụ dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo

4.5 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa nhận được hóa đơn, chứng từ của nhà cung cấp.

4.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

4.7 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo bằng tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp trong năm theo quy định của pháp luật thuế.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.9 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.10 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt (*) | 3.900.875.649 | 5.463.241.094 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.927.792.331 | 60.040.298 |
| Cộng | 5.828.667.980 | 5.523.281.392 |

(*) Tại ngày 31/12/2017, Công ty tồn quỹ vàng tiền tệ SJC 999,9 là 66 lượng, tương đương với 2.343.000.000 VND.

6. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CTCK CUNG CẤP

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Hoàng Thành Capital & Partners (*) | 2.732.742.544 | - |
| Công ty Cổ phần Thiết Bị Alpha Việt Nam | - | 385.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật tự động hóa Đại Phát | - | 286.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp y tế Hà Nội | - | 550.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thể thao Châu An | - | 352.000.000 |
| Công ty TNHH FSI Việt Nam | - | 350.000.000 |
| Cộng | 2.732.742.544 | 1.923.000.000 |

(*) Phải thu từ Hợp đồng tư vấn cho Công ty TNHH Hoàng Thành Capital & Partners theo hợp đồng dịch vụ ký kết ngày 27/11/2017, Công ty sẽ cung cấp và hỗ trợ các thủ tục liên quan đến các giao dịch phân tích thị trường tài chính, phân tích ngân hàng HD Bank, top 15 ngân hàng TMCP. Tổng giá trị hợp đồng: 490.000 USD, tương đương với 11.123.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2017 VND | 31/12/2016 VND |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Thuế TNDN nộp thừa | 270.590.439 | 255.673.989 |
| Cộng | 270.590.439 | 255.673.989 |

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2017 VND | 31/12/2016 VND |
|-------------|----------------------|-------------------|
| Hàng hóa | 2.056.363.636 | - |
| Cộng | 2.056.363.636 | - |

Hàng tồn kho gồm ô tô Toyota Land Cruiser Prado VX Công ty mua về để bán lại theo hợp đồng mua bán xe ô tô số THKC 2017_0750 với Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm. Giá trị ô tô chưa thuế VAT 10% là 2.056.363.636 VND.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Thiết bị văn phòng VND | Cộng VND |
|------------------------|---------------------------|-------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 31/12/2016 | 275.005.297 | 275.005.297 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 275.005.297 | 275.005.297 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 31/12/2016 | 173.206.206 | 173.206.206 |
| Tăng trong năm | 38.435.455 | 38.435.455 |
| Khấu hao | 38.435.455 | 38.435.455 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 211.641.661 | 211.641.661 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 31/12/2016 | 101.799.091 | 101.799.091 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 63.363.636 | 63.363.636 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 275.005.297 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|-----------------------|------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế GTGT | - | 161.558.290 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.382.750 | 14.870.850 |
| Cộng | 2.382.750 | 176.429.140 |

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--------------------------------|----------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí dịch vụ chuyên môn (*) | 1.200.000.000 | - |
| Phí dịch vụ khác | 35.000.000 | 30.000.000 |
| Cộng | 1.235.000.000 | 30.000.000 |

(*) Chi phí dịch vụ chuyên môn là chi phí tư vấn về thị trường, công nghệ, thủ tục pháp lý Công ty phải chi trả cho Công ty TNHH Tư vấn TC Thủ Đô theo hợp đồng tư vấn số 01072017/TCTD-TCC ký ngày 03/07/2017. Tổng giá trị hợp đồng: 1.320.000.000 VND (đã bao gồm 10% VAT).

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

| | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Bảo hiểm xã hội | 5.355.000 | - |
| Bảo hiểm y tế | 497.440 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 420.000 | - |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái góp vốn (*) | 1.836.000.000 | 1.836.000.000 |
| Ông Đặng Quốc Hùng góp vốn (**) | 2.000.000.000 | - |
| Cộng | 3.842.272.440 | 1.836.000.000 |

(*), (**) Khoản tiền này do ông Nguyễn Hoàng Thái và ông Đặng Quốc Hùng góp vốn ứng trước vào tài khoản Công ty. Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để tăng vốn cho khoản góp vốn ứng trước này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH | Lợi nhuận/ (lỗ) lũy kế | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|
| | | | Cộng |
| NĂM 2016 | | | |
| Số dư 01/01/2016 | 10.879.456.000 | (5.194.581.308) | 5.684.874.692 |
| Lợi nhuận/(lỗ) | - | 109.443.192 | 109.443.192 |
| Số dư 31/12/2016 | 10.879.456.000 | (5.085.138.116) | 5.794.317.884 |
| NĂM 2017 | | | |
| Số dư 01/01/2017 | 10.879.456.000 | (5.085.138.116) | 5.794.317.884 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trong năm | - | 317.342.500 | 317.342.500 |
| Số dư 31/12/2017 | 10.879.456.000 | (4.767.795.616) | 6.111.660.384 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ đăng ký | | Vốn điều lệ đã góp | |
|-------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | VND | % | VND | % |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ | 5.930.518.000 | 54,79 | - | - |
| Đặng Quốc Hùng | - | - | 2.164.817.668 | 19,90 |
| Đỗ Ngọc Minh | - | - | 2.164.817.668 | 19,90 |
| Nguyễn Hoàng Thái | - | - | 1.600.882.665 | 14,71 |
| Công ty TC Capital Advisory Limited | 4.892.940.000 | 45,21 | 4.948.938.000 | 45,49 |
| Cộng | 10.823.458.000 | 100 | 10.879.456.001 | 100 |

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn | 2.732.742.544 | 2.758.181.819 |
| Cộng | 2.732.742.544 | 2.758.181.819 |

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------|----------------------|--------------------|
| Giá vốn dịch vụ tư vấn | 1.442.640.770 | 375.708.000 |
| Cộng | 1.442.640.770 | 375.708.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--------------------------------|------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi | 1.254.074 | 1.008.946 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ | - | 218.186 |
| Cộng | 1.254.074 | 1.227.132 |

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
| Lỗ bán ngoại tệ | - | 20.334.370 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 22.146 | 70.122 |
| Cộng | 22.146 | 20.404.492 |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 484.840.564 | 1.328.046.660 |
| Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng | 12.175.885 | 14.687.222 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 38.435.455 | 30.708.182 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.085.906 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 220.310.530 | 291.514.438 |
| Chi phí bằng tiền khác | 212.892.096 | 585.864.765 |
| Cộng | 973.740.436 | 2.253.821.267 |

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 727.481.334 | 1.703.754.660 |
| Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng | 12.175.885 | 14.687.222 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 38.435.455 | 30.708.182 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.085.906 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.420.310.530 | 291.514.438 |
| Chi phí bằng tiền khác | 212.892.096 | 585.864.765 |
| Cộng | 2.416.381.206 | 2.629.529.267 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

20. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| <i>Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc</i> | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Ban Giám đốc | | |
| Lương | 258.000.000 | 258.000.000 |
| Cộng | 258.000.000 | 258.000.000 |

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.9.

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.828.667.980 | - | 5.523.281.392 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 2.732.742.544 | - | 1.923.000.000 | - |
| Cộng | 8.561.410.524 | - | 7.446.281.392 | - |
| | | | Giá trị sổ kế toán | |
| | | | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 3.842.029.320 | 1.836.000.000 |
| Phải trả người lao động | | | 7.555.555 | - |
| Chi phí phải trả | | | 1.235.000.000 | 30.000.000 |
| Cộng | | | 5.084.584.875 | 1.866.000.000 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

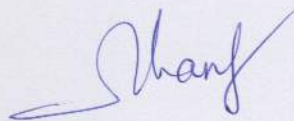

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Quách Thị Mỹ Nhung

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng